TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2024/DS-ST.
Ngày: 12/03/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Quốc Tững - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa***: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2023/TLST-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 118/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 và thông báo mở phiên toà số 04/TB-TA ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Vũ Thị Á**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Á: Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Võ Văn G**, sinh năm 1970 và bà **Võ Thị M**, sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:*

Do quen biết nhau từ trước nên bà Vũ Thị Á có thỏa thuận bán dầu thiếu cho vợ chồng ông Võ Văn G, bà Võ Thị M với hình thức gối đầu; ông Võ Văn G và bà Võ Thị M mua dầu để chạy máy đánh bắt hải sản. Đến ngày 23/01/2019 thì hai bên kết nợ với nhau, số nợ ông G, bà M còn thiếu của bà Á là 118.374.000đồng. Bà Á đã nhiều lần đến gặp ông G và bà M để yêu cầu trả số tiền nợ còn thiếu thì ông G, bà M cố tình né tránh và không thực hiện việc trả nợ cho bà Á. Vì vậy, bà Á làm đơn khởi kiện yêu cầu ông G và bà M phải trả cho bà số tiền mua dầu còn thiếu lại là 118.374.000đồng và yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,6%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 23/01/2019 đến 23/7/2023 là 54 tháng (118.374.000 đồng x 1,6% x 54 tháng = 102.200.000 đồng). Tổng cộng gốc, lãi là 220.574.000đồng và yêu cầu tính lãi tiếp từ ngày 24/07/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên toà, ông Phạm Văn T thừa nhận vốn kinh doanh dầu là tài sản chung của vợ chồng ông với bà Á. Tuy nhiên, số tiền mà bà M, ông G mua dầu thiếu thì ông đồng ý để ông G và bà M trả cho bà Á, ông không có ý kiến gì.

Đối với số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) bà M có trả cho bà Á thì ông đồng ý trừ vào số tiền nợ gốc mà ông G, bà M còn thiếu; đồng thời ông xin rút một phần yêu cầu tính lãi với mức lãi suất từ 1,6%/tháng thành 0,83%/tháng.

Ông T yêu cầu ông G, bà M phải trả cho bà Á số nợ gốc còn lại là 108.374.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 23/01/2019 đến ngày 12/03/2024 được làm tròn 61 tháng với lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 54.869.000đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 163.243.000đồng.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/10/2023 bà Võ Thị M trình bày như sau:*

Bà Võ Thị M thừa nhận vào khoảng 06 năm trước vợ chồng bà có 01 cặp ghe biển dùng để đánh bắt cá xa bờ và được bà Vũ Thị Á đầu tư dầu để hoạt động đánh bắt bằng hình thức bán thiếu gối đầu, việc làm ghe nhằm phát triển kinh tế gia đình. Trong 06 năm vừa qua vợ chồng bà có mua dầu của bà Á và có trả tiền đầy đủ. Tuy nhiên, do làm ăn thất bại và ghe máy bị hư hỏng nên vợ chồng không còn làm ghe nữa. Vì vậy, vợ chồng bà còn nợ tiền dầu của bà Á, đến ngày 23/01/2019 hai bên có kết nợ với nhau, số tiền vợ chồng bà còn nợ là 118.374.000đồng và chịu lãi theo suất Ngân hàng. Trong thời gian cam kết trả nợ, vợ chồng bà có trả được 10.000.000đồng rồi không còn khả năng trả nữa cho đến nay. Theo yêu cầu của bà Á thì bà đồng ý trả số tiền

118.374.000đồng nhưng xin được trả mỗi tháng là 3.000.000 đồng trả cho đến hết nợ thì thôi và xin được miễn tiền lãi.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX): Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thì nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự; phía bị đơn ông Võ Văn G, bà Võ Thị M dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng ông G, bà M vẫn vắng mặt nên đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Á; buộc bà Võ Thị M và ông Võ Văn G phải trả số tiền 163.243.000đồng (trong đó, tiền gốc 108.374.000đồng, tiền lãi 54.869.000đồng).

+ Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,6%/tháng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc ông G và bà M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện bà Vũ Thị Á yêu cầu ông Võ Văn G và bà Võ Thị M phải trả cho bà số tiền mua dầu còn nợ nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản. Bị đơn Võ Văn G và bà Võ Thị M có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Hai bên đều xác nhận khoản nợ từ năm 2019, hàng năm các bên vẫn thực hiện nghĩa vụ nhưng do khó khăn về kinh tế nên xin trả dần. Đến

ngày xét xử cũng không ai yêu cầu áp dụng thời hiệu nên vẫn đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 184 BLTTDS.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Võ Văn G và bà Võ Thị M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Đối với ông Phạm Văn T: Ông T là chồng của bà Vũ Thị Á, ông T cũng xác định rằng vốn kinh doanh dầu là tài sản chung của vợ chồng ông với bà Á. Tuy nhiên, số tiền mà bà M, ông G mua dầu thiếu thì ông đồng ý để ông G và bà M trả cho bà Á, ông không có yêu cầu gì và đề nghị Toà án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án. Do đó, HĐXX không đưa ông Phạm Văn T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 BLTTDS.

[4] *Về nội dung vụ án:* Trước đây, bà Vũ Thị Á có thỏa thuận bán dầu thiếu cho vợ chồng ông Võ Văn G, bà Võ Thị M với hình thức gối đầu; ông Võ Văn G và bà Võ Thị M mua dầu để chạy máy đánh bắt hải sản. Đến ngày 23/01/2019 thì hai bên kết nợ với nhau, số tiền ông G và bà M còn thiếu là 118.374.000đồng.

Tại phiên tòa, ông T yêu cầu ông G và bà M phải trả cho bà Á số nợ gốc còn lại là 108.374.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 23/01/2019 đến ngày 12/03/2024 được làm tròn 61 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng thành tiền là 54.869.000đồng. Tổng cộng là 163.243.000đồng.

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; phía nguyên đơn có cung cấp biên nhận nợ ngày 23/01/2019 (BL 37, 38, 39, 40) thể hiện bà M và ông G có mua thiếu dầu và còn nợ số tiền 118.374.000đồng; tại biên bản ghi lời khai ngày 24/10/2023 và biên bản hoà giải ngày 03/11/2023 bà M cũng thừa nhận có khoản nợ này và đồng ý trả nợ cho bà Á. Hơn nữa, tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bà Á là ông Phạm Văn T đồng ý trừ số tiền mà bà M đã trả là 10.000.000đồng vào số tiền nợ gốc. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần thiết ghi nhận. Do đó, số tiền nợ gốc còn lại là 108.374.000đồng thì bà M và ông G phải có trách nhiệm trả cho bà Á.

[4.2] Đối với ông Võ Văn G (chồng của bà M) vắng mặt; Theo trình bày của bà M, việc Toà án tống đạt văn bản tố tụng cho ông G về việc bà Á có khởi kiện vợ chồng bà tại Toà án thì ông G có biết. Tuy nhiên, do bận công việc làm ăn nên ông G không tham gia giải quyết vụ án tại Toà án được. Hơn nữa bà M cũng thừa nhận việc mua

thiếu dầu chạy ghe nhằm phát triển kinh tế gia đình. Căn cứ Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng. HĐXX buộc ông Võ Văn G phải có nghĩa vụ liên đới với bà M trả số tiền còn nợ cho bà Á.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Võ Văn G và bà Võ Thị M phải trả cho bà Á số tiền nợ gốc 108.374.000đồng (*Một trăm lẽ tám triệu ba trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

[4.3] Về yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu về lãi suất, từ yêu cầu mức lãi suất 1,6%/tháng thành 0,83%/tháng. Xét thấy, việc rút một phần suất lãi của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và được HĐXX chấp nhận. Do đó, đình chỉ một phần mức lãi suất là 1,6%/tháng đối với số tiền yêu cầu tính lãi nêu trên.

Đối với yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Xét thấy yêu cầu tính lãi này là có cở sở chấp nhận. Bởi lẽ, khi hai bên kết nợ vào ngày 23/01/2019 thì có thỏa thuận tính lãi suất, mặc dù chỉ là thoả thuận miệng nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2023 bị đơn bà Võ Thị M thừa nhận có thoả thuận chịu lãi suất nhưng theo lãi suất của Ngân hàng. Đồng thời mức lãi suất yêu cầu 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Thời gian tính lãi suất như sau: tính từ ngày 23/01/2019 đến ngày 12/03/2024 được làm tròn 61 tháng: 108.374.000đồng x 0,83% x 61 tháng = 54.869.000 đồng.

Tổng cộng gốc lãi là 163.243.000 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

[5] Xét yêu cầu của bà M xin được trả dần số nợ trên nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Căn cứ theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ T1 quy định "…Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành …". Vì vậy, yêu cầu này của bà M là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên HĐXX không xem xét.

[6] Xét ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ nên được HĐXX xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông G, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà Vũ Thị Á không phải chịu án phí sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 430, 440 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Ánh .

- Buộc bị đơn ông Võ Văn G và bà Võ Thị M phải trả cho bà Vũ Thị Á tổng số tiền 163.243.000 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi với số tiền 50.904.000đồng (*Năm mươi triệu chín trăm lẽ bốn nghìn đồng*).

2/. Về án phí DSST: Buộc bà Võ Thị M và ông Võ Văn G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.162.000đồng (*Tám triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Vũ Thị Á số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.514.000đồng (Năm triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003489 ngày 10/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/03/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Đ